

BỘ Y TẾ
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 912/QĐ-ATTP

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CHỈ ĐỊNH CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM
PHỤC VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Căn cứ hồ sơ đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang (Địa chỉ: Đường Nghĩa Long - phường Trần Phú - thành phố Bắc Giang - tỉnh Bắc Giang) là cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

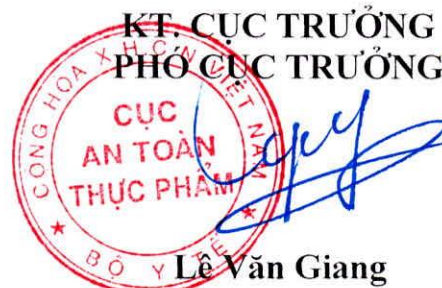
Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **18/2019/BYT-KNTP**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (để b/c);
- TT. Trương Quốc Cường (để b/c);
- CT. Nguyễn Thanh Phong (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, KN.



DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 912/QĐ-ATTP ngày 14 tháng 10 năm 2019
của Cục An toàn thực phẩm)

TT	Tên phép thử	Phạm vi áp dụng	Phương pháp	Giới hạn định lượng/ phạm vi đo (nếu có)
I	Các chỉ tiêu vi sinh			
1	Phương pháp định lượng Coliforms - Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất	Thực phẩm	TCVN 4882: 2007	0 MPN/mL 0 MPN/g
2	Phương pháp định lượng <i>E. coli</i> giả định - Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất		TCVN 6846: 2007	0 MPN/mL 0 MPN/g
3	Phương pháp định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C		TCVN 4884-1: 2015	1 CFU/mL 10 CFU/g
4	Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) trên đĩa thạch		TCVN 4830-1: 2005	1 CFU/mL 10 CFU/g
5	Phương pháp phát hiện <i>Salmonella</i> trên đĩa thạch		TCVN 4829: 2008	<1/25g
6	Định lượng <i>Bacillus cereus</i> giả định trên đĩa thạch		TCVN 4992: 2005	10 CFU/g 1 CFU/ mL
7	Định lượng nấm men - nấm mốc trong thực phẩm		TCVN 8275-1,2 :2010	10 CFU/g 1 CFU/ mL
8	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit- Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai	TCVN 6191-2: 1996	1 CFU/ 50mL
9	Phát hiện và đếm vi khuẩn <i>Coliforms</i> - Phương pháp màng lọc		TCVN 6187- 1:2009	1 CFU/ 250mL
10	Phát hiện và đếm vi khuẩn <i>E.coli</i> - Phương pháp màng lọc		TCVN 6187-1:2009	1 CFU/ 250mL
II	Các chỉ tiêu hóa lý			
11	Xác định hàm lượng tro tổng số	Sữa và sản phẩm (bổ sung vi chất)	TCVN 4070 : 2009	
12	Xác định hàm lượng nitơ bằng phương pháp Kjeldahl		TCVN 8099-1 : 2015	
13	Xác định hàm lượng chất béo bằng phương pháp khối lượng Weibll - Berntrop		TCVN 6688- 3:2007	

14	Xác định pH	Nước uống đóng chai	TCVN 6492 : 2011 (ISO 10523:2008)	2 ÷ 12
15	Xác định hàm lượng nitrit		TCVN 6178 : 1996	0,01 mg/L
16	Xác định tổng canxi và magiê		TCVN 6224:1996	0,05mmol/L
17	Xác định hàm lượng clorua		TCVN 6194 : 1996	2,0 mg/L
18	Xác định chỉ số pemanganat		TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
19	Xác định hàm lượng chì		SMEWW-3113B	1,0 µg/L
20	Xác định hàm lượng mangan		SMEWW-3111B	0,018 mg/L
21	Xác định hàm lượng cadimi		SMEWW-3113B	0.5 µg/L
22	Xác định hàm lượng đồng		SMEWW-3111B	0,1 mg/L
23	Xác định hàm lượng kẽm		SMEWW-3111B	0,1 mg/L
24	Xác định hàm lượng sắt		TCVN 6177:1996	0,03 mg/L
25	Xác định tổng chất rắn hòa tan		SMEWW-2540 C	3.0 mg/L

Ghi chú:

- Phạm vi áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.